

UBND PHƯỜNG AN KHÊ
VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Số: /VP

V/v tuyên truyền, phổ biến một số quy
định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Quốc tịch Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Khê, ngày tháng 9 năm 2025

Kính gửi:

- Trung tâm Văn hóa, Thể thao phường;
- Tổ trưởng tổ dân phố.

Thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 08/8/2025 của UBND phường về việc triển khai công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn phường An Khê năm 2025; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 17/9/2025 của UBND phường về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam trên địa bàn phường An Khê;

Văn phòng HĐND và UBND phường đề nghị Trung tâm Văn hóa, Thể thao phường, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục triển khai tuyên truyền, phổ biến nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn phường.

2. Lựa chọn hình thức PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, đảm bảo thiết thực; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để truyền tải nhanh chóng thông tin pháp luật đến cán bộ, công chức, người lao động và tổ chức, cá nhân, người dân biết.

Văn phòng HĐND và UBND phường đề nghị Trung tâm Văn hóa, Thể thao phường, Tổ trưởng tổ dân phố triển khai thực hiện./.

(Gửi kèm Đề cương và tài liệu tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Hồ Thanh Việt

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Vừa qua, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (Luật Quốc tịch sửa đổi 2025) đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 có nhiều điểm mới, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, bất cập của Luật Quốc tịch Việt Nam hiện hành, góp phần thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Luật Quốc tịch sửa đổi 2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, có một số điểm mới đáng chú ý sau:

Phần 1. Sự cần thiết sửa đổi Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008

Sau 17 năm triển khai thi hành, Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (Luật Quốc tịch Việt Nam) đã thể chế hóa các định hướng, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về quốc tịch^[1]. Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới, một số quy định hiện hành liên quan đến thủ tục nhập/trở lại quốc tịch Việt Nam chưa thực sự tạo điều kiện cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài được có quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch nước ngoài, chưa thu hút được nhiều nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam, trong đó “nới lỏng” chính sách cho nhập/trở lại quốc tịch Việt Nam và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quốc tịch nhằm tiếp tục thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác người Việt Nam ở nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về nước đầu tư, sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... Qua đó, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết, thúc đẩy chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Phần 2. Những nội dung mới của Luật Quốc tịch năm 2025

1. Người mang 02 quốc tịch có thể làm công chức:

Theo khoản 1 Điều 1 Luật Quốc tịch sửa đổi 2025 bổ sung các quy định về quốc tịch của công chức, viên chức và người giữ chức vụ trong Đảng như sau:

- Người ứng cử, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm, chỉ định giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội ở trung ương, địa phương; người làm việc trong tổ chức cơ yếu; người tham gia lực lượng vũ trang... phải là người chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và phải thường trú tại Việt Nam.

- Công chức, viên chức không thuộc trường hợp trên phải là người chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam và phải thường trú tại Việt Nam. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

Như vậy, nếu có lợi cho Nhà nước và không làm phương hại đến lợi ích quốc gia, người mang 02 quốc tịch Việt Nam và nước ngoài thường trú tại Việt Nam cũng có thể được làm công chức, viên chức.

2. Căn cước điện tử là giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam

Khoản 2 Điều 1 Luật Quốc tịch sửa đổi 2025 đã bổ sung thẻ Căn cước và Căn cước điện tử là các giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam bên cạnh các loại giấy tờ giấy như Giấy khai sinh, Hộ chiếu, Quyết định cho nhập tịch, Quyết định cho trở lại quốc tịch, Quyết định cho nhận con nuôi... đã được quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch 2008.

3. Mở rộng điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam (Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Luật Quốc tịch sửa đổi 2025)

- Đối với người chưa thành niên, những người có ông bà nội, ông bà ngoại là người Việt Nam muốn nhập tịch có thể không biết tiếng Việt, không thường trú trên 05 năm tại Việt Nam, trong khi trước đây tại Luật Quốc tịch năm 2008 quy định chỉ có những người là vợ, chồng, cha, mẹ, con của công dân Việt Nam mới được xét miễn. Quy định này thể hiện rõ tính nhân văn của pháp luật, củng cố tinh thần gắn kết huyết thống, hướng về cội nguồn của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

- Điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam từ 1/7/2025: Công dân nước ngoài và người không quốc tịch có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ, người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam;

+ Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;

+ Biết tiếng Việt đủ để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Đang thường trú ở Việt Nam;

+ Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Biết tiếng Việt đủ để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam;
- + Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;
- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc một trong những trường hợp sau đây thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện như: biết tiếng Việt đủ để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam; đang thường trú ở Việt Nam; thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam:
 - + Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam;
 - + Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
 - + Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - + Là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ.
- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.
- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.
- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Luật Quốc tịch 2008 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quốc tịch Việt Nam sửa đổi 2025 được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:
 - + Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;
 - + Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Người 02 quốc tịch có thể ghép tên Việt Nam và nước ngoài

Đây là quy định hoàn toàn mới theo khoản 5 Điều 1 Luật Quốc tịch sửa đổi 2025, theo đó người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam.

Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

5. Bổ sung trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập tịch

Theo khoản 6 Điều 1 Luật Quốc tịch sửa đổi 2025, người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc các trường hợp sau đây được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép.

*** Trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài:**

- Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt
- Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam (bổ sung trường hợp có ông/bà là công dân Việt Nam);
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ.

*** Điều kiện giữ quốc tịch nước ngoài:**

- Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;
- Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Có thể nộp hồ sơ nhập tịch ở Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ nhập quốc tịch tại Sở Tư pháp

- Trước đây, người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải nộp hồ sơ cho Sở Tư pháp nơi cư trú tại Việt Nam theo khoản 1 Điều 21 Luật Quốc tịch 2008 (trừ trường hợp xin trở lại quốc tịch). Tuy nhiên, theo quy định mới tại khoản 7 Điều 1 Luật Quốc tịch sửa đổi 2025, người xin nhập quốc tịch Việt Nam có thể nộp hồ sơ cho Sở Tư pháp nếu cư trú ở trong nước, cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại nếu cư trú ở nước ngoài.

- Việc giải quyết hồ sơ nhập tịch quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Quốc tịch 2008 được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 1 Luật Quốc tịch sửa đổi 2025 theo hướng rút ngắn thời gian như sau:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc (trước đây là 10 ngày), kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc (trước đây là 10 ngày), kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

Ngoài ra, Luật Quốc tịch sửa đổi 2025 còn bổ sung quy định: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam và chuyển hồ sơ kèm theo ý kiến đề xuất việc xin nhập quốc tịch Việt Nam về Bộ Tư pháp; đồng thời gửi thông tin về Bộ Ngoại giao để phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quốc tịch. Bộ Công an có trách nhiệm xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

7. Mọi trường hợp xin trở lại quốc tịch Việt Nam đều được xem xét giải quyết

Trước đây, người đã mất quốc tịch Việt Nam phải đáp ứng một số điều kiện nhất định mới được xin trở lại quốc tịch Việt Nam.

Tuy nhiên theo khoản 8 Luật Quốc tịch sửa đổi 2025, người đã mất quốc tịch Việt Nam khi có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì đều được xem xét giải quyết trở lại quốc tịch Việt Nam. Theo Luật Quốc tịch sửa đổi 2025, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Việc sửa đổi Luật Quốc tịch lần này là bước đi quan trọng để “cởi trói” về mặt pháp lý, mở ra cơ hội thu hút nguồn lực quý báu từ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (bao gồm tri thức, công nghệ, tài chính và nhân lực chất lượng cao...) đóng góp vào sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới./.